BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH
Số: 182/TB-NTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2023

THÔNG BÁO MỨC ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY– NĂM 2023

Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Đề án tuyển sinh năm 2023 của trường, số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển các nguyện vọng, điểm thi tốt nghiệp THPT, Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xác định mức điểm chuẩn trúng tuyển các ngành bậc Đại học như sau:

TT	Tên ngành đào tạo	Mã	Điểm chuẩn trúng tuyển			
			Điểm thi tốt nghiệp THPT	Điểm TB học bạ	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HCM	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HN
1	Y khoa	7720101	**23**	**8.3**	**650**	**85**
2	Dược học	7720201	**21**	**8**	**570**	70
3	Giáo dục mầm non	7140201	**20**	**8**	**570**	70
4	Điều dưỡng	7720301	**19**	**6.5**	550	70
5	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	**19**	**6.5**	550	70
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	**19**	**6.5**	550	70
7	Y học dự phòng	7720110	**19**	**6.5**	550	70
8	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	15	6	550	70
9	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	7510401	15	6	550	70
10	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205	15	**6.3**	550	70
11	Công nghệ sinh học	7420201	15	6	550	70
12	Công nghệ thông tin	7480201	15	**6.3**	550	70
13	Công nghệ thực phẩm	7540101	15	6	550	70
14	Đông Phương học	7310608	15	6	550	70
15	Du lịch	7810101	15	6	550	70
16	Kế toán	7340301	15	6	550	70

Được quét bằng CamScanner

17	Kiến trúc	7580101	15	6	550	70
18	Kinh doanh quốc tế	7340120	15	6	550	70
19	Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	15	6	550	70
20	Kỹ thuật hệ thống Công nghiệp	7520118	15	6	550	70
21	Kỹ thuật phần mềm	7480103	15	6	550	70
22	Kỹ thuật xây dựng	7580201	15	6	550	70
23	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	15	6	550	70
24	Kỹ thuật Y sinh	7520212	15	6	550	70
25	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	15	6	550	70
26	Luật Kinh tế	7380107	15	6	550	70
27	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	15	6	550	70
28	Marketing	7340115	15	**6.3**	550	70
29	Ngôn ngữ Anh	7220201	15	6	550	70
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	15	6	550	70
31	Quan hệ công chúng	7320108	15	6	550	70
32	Quan hệ quốc tế	7310206	15	6	550	70
33	Quản lý bệnh viện	7720802	15	6	550	70
34	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	15	6	550	70
35	Quản trị khách sạn	7810201	15	6	550	70
36	Quản trị kinh doanh	7340101	15	**6.3**	550	70
37	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	15	6	550	70
38	Quản trị Nhân lực	7340404	15	6	550	70
39	Đạo diễn điện ảnh - Truyền hình	7210235	15	6	550	70
40	Diễn viên kịch, điện ảnh-truyền hình	7210234	15	6	550	70
41	Piano	7210208	15	6	550	70
42	Quay phim	7210236	15	6	550	70
43	Thanh Nhạc	7210205	15	6	550	70
44	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	15	6	550	70
45	Tài chính – ngân hàng	7340201	15	6	550	70

Được quét bằng CamScanner

46	Tâm lý học	7310401	15	6	550	70
47	Thiết kế đồ họa	7210403	15	6	550	70
48	Thiết kế Nội thất	7580108	15	6	550	70
49	Thương mại điện tử	7340122	15	6	550	70
50	Truyền thông đa phương tiện	7320104	15	6	550	70
51	Vật lý y khoa	7520403	15	6	550	70
52	Việt Nam học	7310630	15	6	550	70

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

TS. Trần Ái Cầm

Được quét bằng CamScanner